

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2020/HS-ST

Ngày: 04-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đại Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Hồng và bà Nguyễn Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Tứ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Mai Chiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 289/2020/TLST- HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2020/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Quốc T. Sinh năm 1976, tại tỉnh Q; nơi cư trú: Đội 1, thôn Nì, xã Bình Chương, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không có.

Nhân thân:

Bản án số 08/1996/HSST ngày 27/5/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bản án số 55/1999/HSST ngày 08/7/1999 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B xử phạt bị cáo 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Bản án số 84/2000/HSST ngày 04/5/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt bị cáo 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”

Bản án số 112/2005/HSST ngày 26/5/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”

Bản án số 376/2014/HSST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Bản án số 22/2017/HSST ngày 17/02/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt bị cáo 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Bản án số 227/2017/HSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B xử phạt bị cáo 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Tiền án: Bản án số 50/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Bị bắt, tạm giam ngày 15/6/2020. Có mặt.

Bị hại: Ông Lý Văn H, sinh năm 1973; nơi cư trú: 38H/10 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lâm Hoàng M, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện N, tỉnh Đ; Vắng mặt.

2. Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ô 63, DC20KDC, phường A, thành phố T, tỉnh B; Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Lý Hồng P, sinh năm 1995; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 09/6/2020, bị cáo Trần Quốc T điều khiển xe mô tô biển số 66N1- 061.77 đi đến tiệm tạp hóa địa chỉ số: 38H/10 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B để mua thuốc lá. Tại đây, Trinh thấy không có người trông coi. T dựng xe bên ngoài đi bộ vào tiệm tạp hóa, phát hiện trên kệ Inox chứa hàng có để 01 hộp sắt màu vàng, bên trong có tiền, T nảy sinh ý định chiếm đoạt. T dùng tay lấy số tiền bên trong hộp bỏ vào túi áo khoác đang mặc, sau đó đi ra ngoài lên xe điều khiển bỏ chạy. Khi đến đoạn đường vắng trong khu

công nghiệp VSIP, T lấy số tiền vừa trộm được ra kiểm đếm được 676.000 đồng. Số tiền trên T sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mất trộm tài sản chủ tiệm tạp hóa là ông Lý Văn H kiểm tra Camra thấy hình ảnh 01 đối tượng đã nén lút vào tiệm tạp hóa chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 12 giờ 00 phút ngày 15/6/2020 T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 66N1- 061.77 chạy ngang qua tiệm tạp hóa nhà ông Hùng, ông H phát hiện T giống đối tượng Camera ghi lại ngày 09/6/2020 lấy tiền nhà ông, lúc này ông H giữ T lại và báo cho cơ quan Công an làm rõ. Qua làm việc T đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản tại tiệm tạp hóa của ông Lý Văn H ngày 09/6/2020 số tiền 676.000 đồng T dùng hết vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Bản Cáo trạng số 302/CT-VKS -TA ngày 08/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Trần Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên phạt bị cáo Trần Quốc T từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lý Văn H không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- 01USB hiệu Kingston chứa giữ liệu hình ảnh về vụ trộm cắp tài sản do bị hại Lý Văn H giao nộp cho cơ quan điều tra đã được niêm phong thống kê theo hồ sơ.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ, đen, bạc, biển số 66N1-061.77; Số máy: 5091013; Số khung: 653913 do bị cáo Trần Quốc T mua tại cửa hàng Hải A, số 79 Kiôt 47 Nữ đoàn 434, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B vào ngày 20/02/2020 do ông Bùi Thanh H làm chủ. Qua làm việc với ông H xác định ngày 19/02/2020 ông H mua xe mô tô nêu trên của ông Lâm Hoàng M

cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên ông Lâm Hoàng M với giá 6.000.000 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đến ngày 20/02/2020 ông H bán cho bị cáo Trần Quốc T giá 8.950.000 đồng, có làm giấy tờ mua bán nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Qua làm việc với ông Lâm Hoàng M xác định trước đây có đứng tên chủ sở hữu chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ, đen, bạc, biển số 66N1- 061.77; số máy: 5091013, số khung: 653913, do không có nhu cầu sử dụng ngày 19/02/2020, ông M đã bán chiếc xe này tại cửa hàng Hải A số 79 Kiôt 47 Nữ đoàn 434, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B do ông Bùi Thanh H làm chủ với giá 6.000.000 đồng. Ông Lâm Hoàng M và ông Bùi Thanh H xác định không có yêu cầu gì khác đối với xe mô tô nêu trên.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66N1- 061.77 mang tên Lâm Hoàng M (bản chính); 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ, đen, bạc, biển số 66N1- 061.77; Số máy: 5091013; Số khung: 653913, do bị cáo Trần Quốc T mua sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- 01 áo khoác màu trắng đen có in chữ “ ngành GD& ĐT.TP H”; 01 nón bảo hiểm màu xanh có ghi chữ UBER thu giữ của Trần Quốc T là tư vật của bị cáo, trả lại cho bị cáo T.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng theo nội dung Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quốc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh B đã truy tố bị cáo trước Tòa. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người làm chứng, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 09/6/2020 tại tiệm tạp hóa địa chỉ: 38H/10 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B bị cáo Trần Quốc T lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt số tiền 676.000 đồng của ông Lý Văn H.

Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. T là người cố ý thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại là vi phạm pháp luật Hình sự nhưng vì lòng tham, muốn có tài sản sử dụng không phải bằng sức lao động của mình, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhiều lần bị Tòa án xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện bị cáo là người khó cải tạo, giáo dục. Vì vậy phải xét xử mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Bị cáo trong khi chưa được xóa án tích đối với Bản án số 50/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B nay lại tiếp tục phạm tội chiếm đoạt tài sản do cố ý.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội gây thiệt hại không lớn được quy định tại điểm h, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ đã thể hiện ông Lý Văn H không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01USB hiệu Kingston chứa giữ liệu hình ảnh về vụ trộm cắp tài sản do bị hại Lý Văn Hùng giao nộp cho cơ quan điều tra đã được niêm phong thống kê theo hồ sơ.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ, đen, bạc, biển số 66N1-061.77; số máy: 5091013, số khung: 653913. Ông Bùi Thanh H là chủ cửa hàng Hải A số 79 Kiôt 47 Nữ đoàn 434, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B có mua chiếc xe nêu trên của ông Lâm Hoàng M cùng với giấy chứng nhận xe mô tô biển số 66N1-061.77 mang tên Lâm Hoàng M với giá 6.000.000 đồng vào ngày 19/02/2020. Ngày 20/02/2020 ông Hải bán cho bị cáo T với giá 8.950.000 đồng. Việc mua bán giữa ông H, ông M và bị cáo T với ông H chỉ làm giấy tờ mua bán chưa làm thủ tục sang tên. Ông Lâm Hoàng M và ông Bùi Thanh H xác định không có yêu cầu gì khác đối với xe mô tô nêu trên, nên không đặt ra xem xét.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66N1-061.77 mang tên Lâm Hoàng M (bản chính); 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ, đen, bạc, biển số 66N1-061.77; số máy: 5091013, số khung: 653913, do bị cáo Trần Quốc T mua sử dụng làm phương tiện phạm tội tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- 01 áo khoác màu trắng đen có in chữ “ ngành GD&ĐT.TP H”; 01 nón bảo hiểm màu xanh có ghi chữ UBER thu giữ của Trần Quốc T là tư vật của bị cáo, trả lại cho bị cáo T.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66N1- 061.77 mang tên Lâm Hoàng M (bản chính); 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ, đen, bạc, biển số 66N1- 061.77; số máy: 5091013, số khung: 653913, do bị cáo Trần Quốc T mua sử dụng làm phương tiện phạm tội tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- 01 áo khoác màu trắng đen có in chữ “ ngành GD&ĐT.TP H”; 01 nón bảo hiểm màu xanh có ghi chữ UBER thu giữ của Trần Quốc T là tư vật của bị cáo, trả lại cho bị cáo T.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/10/2020).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Quốc T phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

Danh Đại Thắng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 04 tháng 11 năm 2020;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đại Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Hồng và bà Nguyễn Kim Thu.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 289/2020/TLST- HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 đối với:

Bị cáo Trần Quốc Trinh, sinh năm 1976 tại Quảng Ngãi.

Căn cứ vào các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trường hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

2. Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các tài liệu, chứng cứ của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; các tài liệu, chứng cứ do các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

3. Về tội danh: Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Trần Văn Còn phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

4. Về hình phạt: Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Quốc Trinh 12 (mười hai) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2020.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

5. Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

- Xử lý vật chứng: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66N1-061.77 mang tên Lâm Hoàng Mỹ (bản chính); 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ, đen, bạc, biển số 66N1- 061.77; số máy: 5091013, số khung: 653913 do bị cáo Trần Quốc Trinh mua sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- 01 áo khoác màu trắng đen có in chữ “ ngành GD&ĐT.TP Hồ Chí Minh”; 01 nón bảo hiểm màu xanh có ghi chữ UBER thu giữ của Trần Quốc Trinh là tư vật của bị cáo, trả lại cho bị cáo Trinh.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

- Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Quốc Trinh phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

7. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

8. Các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

9. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không có.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

10. Tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

11. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2020/HSST-QĐTG

Thuận An, ngày 04 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đại Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Hồng và bà Nguyễn Kim Thu.

Căn cứ Điều 109, 113, 119 và 329 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Biên bản nghị án ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1

Tạm giam bị cáo Trần Quốc Trinh. Sinh năm 1976, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Đội 1, thôn Ngọc Trì, xã Bình Chương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị Toà án cấp sơ thẩm xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Theo Điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Thời hạn tạm giam là 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Điều 2

Nhà tạm giữ Công an thành phố Thuận An có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Công an thành phố Thuận An;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Bị cáo;
- Lưu: HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Đại Thắng